TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2018/HS-ST
Ngày: 23/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tưởng.

Bà Lê Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 309/2018/TLST-HS ngày 15/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2018/QĐXXST-HS ngày 14/9/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N (tên gọi khác: H): sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: SN 06/49 phố L, phường Đ, thành phố T; Chỗ ở hiện nay: SN 235 phố L, phường Đ, thành phố T; Dân tộc: kinh, Tôn giáo: không, Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị T; Vợ: Đặng Thị H, sinh 1986, có 02 con (lớn sinh 2009, nhỏ sinh 2017); Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: - Tại bản án HSPT số 20 ngày 28/02/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cướp tài sản công dân".

- Tại bản án HSPT số 97 ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến 06/02/2018 được trả tự do; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm - Tổng cục 8 - Bộ Công an từ ngày 11/6/2018 (chấp hành đối với bản án HSPT số 97 ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa); bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn N1 - sinh 1986. Có mặt.

Trú tại: SN 07/173 đường N phố Thành Y, phường Q, thành phố T.

Người làm chứng:

1/ Chị Nguyễn Thị L, sinh 1975, vắng mặt.

Trú tại: SN 175 phố T, phường Q, thành phố T.

2/ Anh Nguyễn Trọng T, sinh 1975, có mặt.

Trú tại: SN 02/50/421 phố N, phường Đ, thành phố T.

3/ Anh Lê Văn T, sinh 1990, có mặt.

Trú tại: phố L, phường Đ, thành phố T.

4/ Anh Nguyễn Văn H, sinh 1971, có mặt.

Trú tại: SN 07/173 đường N, phố T, phường Q, thành phố T.

5/ Anh Nguyễn Văn H, sinh 1976, có mặt.

Trú tại: SN 07/173 đường N, phố T, phường Q, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 4h30' ngày 03/02/2018, Nguyễn Văn N (tức H) đang ngồi uống nước tại quán bán hành tỏi của gia đình chị T tại chợ Đầu mối (phường Đ, thành phố T) thì thấy anh Nguyễn Văn N1 đi qua. Do trước đó có mâu thuẫn với N nên khi nhìn thấy anh N1, N liền chửi bới và đi theo nói "N1 ơi tau thích đánh mi" rồi dùng tay tát vào mặt anh N1 3- 4 cái, được mọi người can ngăn N quay lại quầy hàng nhà T uống nước, anh N1 đi về quầy bán hàng nhà mình. Khoảng 5-10 phút sau, N nghe thấy tiếng ồn ào ở gần đó nên quay lại nhìn thì thấy Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 (là hai anh trai của N1) đang cầm gậy và dao chửi nhau với Mai Văn S (sinh 1983, trú tại phố L, phường Đ, thành phố T), N liền chạy lại cướp dao trên tay anh H và dùng tay đấm vào mặt H, Mai Văn S dùng tay đấm vào mặt anh H Sau đó, N cầm 01 chiếc kéo sắt màu đen, dài khoảng 20cm đi sang gian hàng nhà anh N1, thấy N1 đang đứng ở gian hàng nhà mình tay cầm 01 gậy gỗ (dạng thang giường) dài khoảng 1,5m thì N đi lại gần để đánh N1, thấy vậy N1 cầm gậy gỗ đập 01 phát về phía N rồi bỏ chạy, N chạy đuổi theo dùng kéo đâm vào vùng chẩm đầu và cằm làm anh N1 bị thương.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Nguyễn Văn N1 được lập vào hồi 7h00' ngày 03/02/2018 tại Khoa cấp cứu - Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa, xác định thương tích của anh Ngọc gồm:

- 01 vết rách da kích thước 0,5 x 1cm tại vùng chẩm, bờ mép vết sắc gọn, hiện tại đã được băng bó kín.

- 01 vết rách da kích thước 0,5 x 1cm tại vùng cằm trái, bờ mép sắc gọn, hiện tại đã được băng bó kín.

- 01 vết xây xước da không rõ hình, không liên tục trên diện 3 x 4cm tại mu bàn tay phải.

Ngày 05/02/2018, anh Nguyễn Văn N1 có đơn đề nghị khởi tố vụ án và đề nghị được đi giám định thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 95 ngày 09/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa (BL 62) kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Ngọc do thương tích gây nên là 22% (được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể theo Điều 4- Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế), trong đó:

- Chấn thương vùng chẩm đầu gây ra chấn thương sọ não kín, làm chảy máu màng mềm; đã được điều trị; hiện tại không có di chứng thần kinh: 20% (Thông tư 20/2014/TT-BYT; Bảng 1; chương 2; mục III; 8).

- Các sẹo chấn thương phần mềm vùng chẩm đầu, cằm bên trái, mu bàn tay phải; số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ: 3% (Thông tư 20/2014/TT-BYT; bảng 1; chương 9; mục I; 1).

- Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng do chấn thương: 0%.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 167 ngày 29/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa (BL 75) về cơ chế hình thành thương tích cụ thể trên cơ thể anh Nguyễn Văn N1 thể hiện:

- 01 vết rách da kích thước 0,5 x 1cm tại vùng chẩm bờ mép vết sắc gọn, hiện tại đã được băng bó: do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật có cạnh sắc nhọn; gây tổn thương da, cơ, mô mềm và gây chấn thương sọ não kín làm chảy máu màng mềm.

- 01 vết rách da kích thước 0,5 x 1cm tại vùng cằm trái bờ mép sắc gọn, hiện tại đã được băng bó kín: do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật có cạnh sắc nhọn.

- 01 vết xây xước da không rõ hình không liên tục trên diện 3 x 4cm tại mu bàn tay phải: do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật có cạnh sắc nhọn hoặc vật tày có cạnh.

Tại thời điểm giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích: không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác chiều hướng tác động và lực của vật gây thương tích.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận: khoảng 4h30 ngày 03/02/2018 tại khu vực chợ Đầu mối (phường Đ, thành phố T) N đã dùng tay tát vào mặt N1 3-4 cái, được mọi người can ngăn N đi về gian hàng nhà T tiếp tục uống nước, N1 về quầy bán hàng của nhà mình. Khi thấy anh em nhà N1 chửi nhau với Mai Văn S, N đã đấm vào mặt anh trai N1, sau đó cầm kéo sắt đi sang quầy bán hàng nhà N1 thì bị N1 cầm thanh gậy gỗ đánh trúng vào tay N, sau đó N1 chạy lùi khoảng 7- 8 bước thì ngã ngửa đập đầu xuống đất, N tiến đến cầm kéo đâm một phát vào vùng mặt N1, cụ thể vị trí nào N không nhớ.

Nguyễn Văn N1 khai báo: Khi N cầm kéo sang quầy bán hàng nhà N1, N1 cầm 01 gậy gỗ đánh về phía N nhưng không trúng, sau đó N1 bỏ chạy, N đuổi theo dùng kéo đâm vào vùng chẩm của N1, N1 bị ngã sấp sau đó quay người lại thì bị N dùng kéo đâm vào vùng cằm của N1. Thương tích vùng chẩm và vùng cằm của N1 là do N dùng kéo gây nên chứ không phải vết thương vùng chẩm do N1 tự ngã như lời khai của N.

Lời khai người làm chứng:

+ Tại các bản tự khai và biên bản ghi lời khai (BL 24-29) chị Nguyễn Thị L khai báo: vào khoảng 4h30’ ngày 03/02/2018 chị đến chợ đầu mối để bán trứng. Khi đến chợ, chị nghe tiếng ồn ào chửi nhau ở gian hàng nhà chị T, khoảng 10 phút sau thấy có một số người đàn ông đuổi đánh nhau chạy từ hướng gian hàng bán hành tỏi nhà anh N1 chạy lại hướng gian hàng nhà chị, do hoảng sợ chị đã chạy sang gian hàng nhà chị Y bên cạnh đứng nép, khi đó chị thấy anh N1 chạy lùi và ngã ngửa đầu ra phía sau giáng mạnh xuống đất. Do lộn xộn chị không biết những ai tham gia đánh nhau, chị không nhìn thấy ai đánh anh N1, khi anh N1 bị ngã chị chạy ra kêu la thì thấy trước gian nhà anh N1 cách đó khoảng 10m có một số người ồn ào và thấy mọi người đang ôm anh N can ngăn không cho đánh nhau nữa.

+ Tại các bản tự khai và biên bản ghi lời khai (BL 30-35) cũng như lời khai tại phiên tòa anh Nguyễn Trọng T khai báo: khoảng 4h30’ ngày 03/02/2018 anh đang uống nước cùng với N tại gian hàng nhà chị T thì anh N1 đi qua, lúc này N1 gây sự rồi xông vào dùng tay đấm 3-4 cái vào mặt N1, được mọi người can ngăn N không đánh nữa. Lúc sau, anh em nhà N1 gồm H (cầm gậy sắt), H (cầm dao), N1 cầm gậy quay lại định đánh nhau với S, lùa S chạy qua chỗ anh và N đang uống nước, sau đó được mọi người can ngăn anh em N1 quay về quầy hàng nhà mình. Anh và N tiếp tục uống nước thì N đi sang quầy hàng nhà N1, sợ xảy ra đánh nhau anh đi theo sang can ngăn. Khi anh thấy N và anh N1 xông vào đánh nhau, anh đứng giữa hai người giang tay can ngăn thì bị N1 đập gậy vào tay, N1 vừa dùng gậy vụt, vừa giật lùi về phía sau, lùi được khoảng 5- 6m thì trượt chân ngã ngửa, đập đầu xuống đường, N xông lên, thấy N1 bất tỉnh nên N cầm kéo đập 1 phát vào mặt N1 rồi vứt kéo ở đó bỏ đi.

Anh Nguyễn Văn N1 điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa từ ngày 03/02/2018 đến 12/02/2018 ra viện. Theo báo cáo của anh N1: tổng số tiền chi phí điều trị và các chi phí, tổn thất khác trong thời gian điều trị bao gồm:

- Tiền viện phí: 4.219.904đ.

- Tiền sao bệnh án: 100.000đ.

- Tiền thuốc điều trị: 8.929.906đ.

- Tiền ăn: 100.000đ/01 ngày x 09 ngày = 900.000đ.

- Công người chăm sóc: 100.000đ/ngày x 09 ngày = 900.000đ.

- Tiền lương trả cho lái xe trong thời gian anh nằm viện xe không chạy được: 6.000.000đ.

- Tiền công mất thu nhập: 3.000.000đ/01 ngày x 12 ngày = 34.000.000đ.

- Tiền bồi thường sức khỏe và tinh thần sau điều trị 100.000.000đ.

- Chi phí giám định y khoa: 3.600.000đ.

Tổng cộng là 158.649.810đ, anh N1 yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh. Đến nay, bị cáo Nguyễn Văn N chưa bồi thường gì cho anh N1.

Đối với chiếc kéo sắt bị cáo dùng làm hung khí gây thương tích cho anh N1 do bị cáo không nhớ để ở đâu nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với Nguyễn Văn H: quá trình xô sát, H bị xây sước nhẹ và không yêu cầu cơ quan điều tra giải quyết về thương tích của mình, do đó không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Mai Văn S, cơ quan CSĐT- Công an thành phố T đã nhắc nhở rút kinh nghiệm.

Đối với Nguyễn Văn N: quá trình xô sát N bị 03 vết thương:

- 01 vết xước da tụ máu tại má trái, kích thước dài 4cm.

- 01 vết xước da tại chân ngón cái bàn tay trái kích thước 3cm.

- 01 vết xây xước da tại mặt ngoài cổ tay trái kích thước 3 x 4cm.

Quá trình điều tra N từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu gì nên cơ quan điều tra không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 212/Ctr-VKS-TPTH ngày 14/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự.

***** Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 36 đến 42 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản HSPT số 97 ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Căn cứ vào các các hóa đơn chứng từ như: Biên lai thu viện phí, tiền thuốc và các chi phí điều trị khác (có hóa đơn hợp lệ); yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập, công người chăm sóc trong thời gian điều trị, tiền bồi dưỡng sức khỏe một lần, bồi thường tổn thất tinh thần của anh N1 là có căn cứ, cần buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm bồi thường cho anh N1 số tiền từ 45.398.904đ đến 49.398.904đ.

- Về vật chứng: 01 cây gậy gỗ N1 dùng đánh về phía N không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Anh Nguyễn Văn N1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi dùng kéo đâm vào mặt anh N1, không thừa nhận đâm vào vùng chẩm phía sau đầu anh N1, nhưng bị cáo nhận thức và xác định việc anh N1 bị ngã là do bị cáo lùa đuổi, bị cáo nhận trách nhiệm về thương tích của anh N1 là do bị cáo trực tiếp và gián tiếp gây ra. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: khoảng 4h30' ngày 03/02/2018 tại chợ Đầu mối (phường Đ, thành phố T) bị cáo đã có hành vi dùng tay tát vào mặt anh N1 3- 4 cái, được mọi người can ngăn. Lúc sau, bị cáo tiếp tục cầm kéo sắt đi sang quầy bán hàng nhà N1, bị N1 cầm thanh gậy gỗ đánh trúng vào tay, sau đó N1 chạy lùi khoảng 7- 8 bước bị ngã ngửa đập đầu xuống đất, bị cáo tiến đến cầm kéo đâm một phát vào vùng mặt anh N1 nhưng không nhớ rõ vị trí. Vết thương ở vùng chẩm đầu anh N1 là do N1 chạy lùi bị ngã, bị cáo không trực tiếp gây ra vết thương này cho anh N1 nhưng bị cáo thừa nhận việc anh N1 chạy ngã là do bị bị cáo lùa đuổi, ngoài bị cáo ra không còn ai gây thương tích và xô sát với anh N1. Bị cáo xác định thương tích của anh N1 là do bị cáo gây ra và xin chịu trách nhiệm bồi thường cho anh N1.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn N1 vẫn giữ nguyên lời khai như quá trình điều tra, qua đối chất: anh vẫn khẳng định khi bị cáo cầm kéo sang quầy bán hàng nhà anh, anh có cầm 01 gậy gỗ đánh về phía N nhưng không trúng, sau đó anh bỏ chạy, N đuổi theo dùng kéo đâm vào vùng chẩm của anh, anh bị ngã sấp sau đó quay người lại thì bị N dùng kéo đâm vào vùng cằm của anh. Thương tích vùng chẩm và vùng cằm của anh là do N dùng kéo gây nên chứ không phải do anh tự ngã như lời khai của N.

Anh Nguyễn Trọng T xin rút lại lời khai của mình tại cơ quan điều tra vì không phù hợp với lời khai của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa. Bị cáo và người bị hại đều khẳng định khi xảy ra xô sát không có mặt anh Tình can ngăn như anh Tình trình bày.

Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi dùng kéo đâm vào vùng chẩm sau đầu anh N1 nhưng căn cứ lời khai của người bị hại, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Ngọc, kết luận giám định thương tích và cơ chế hình thành vết thương cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án; trên kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay - Hội đồng xét xử xét thấy: Vào rạng sáng ngày 03/02/2018 tại chợ Đầu Mối, phường Đ, thành phố T bị cáo N đã có hành vi cầm kéo lùa đuổi, gây thương tích cho anh N1. Sau khi anh N1 bị thương đã được đưa luôn đến bệnh viện cấp cứu, tại biên bản xem xét dấu vết thân thể anh N1 do khoa cấp cứu bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa đã xác định các vết thương của anh N1. Tại kết luận giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích đã xác định các vết thương của anh N1 tương ứng với sự tác động bởi vật có cạnh sắc nhọn, phù hợp với hung khí bị cáo sử dụng gây thương tích cho anh N1 là chiếc kéo. Lời khai của bị cáo cho rằng vết thương sau chẩm của anh N1 là do anh N1 tự ngã là không phù hợp với cơ chế hình thành thương tích "Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật có cạnh sắc nhọn hoặc vật tày có cạnh". Việc xô sát giữa bị cáo và bị hại không còn ai khác tham gia. Mặt khác, xét về quan hệ nhân quả thì hành vi lùa đuổi làm anh N1 bị ngã dẫn đến thương tích thuộc trách nhiệm của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã nhận trách nhiệm về thương tích của anh N1 là do mình trực tiếp và gián tiếp gây ra (BL 115, 122, 125, 126, 136). Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi gây thương tích cho anh N1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22%.

Theo qui định tại Điều 134 Bộ luật hình sự về "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác":

"1/ Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2/ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm"

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

Hành vi dùng kéo là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh N1 làm tổn thương cơ thể 22% của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS như Quyết định truy tố và luận tội của Đại diện VKSND thành phố T là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tinh thần của người bị hại, ảnh hưởng trật tự trị an xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần vi phạm pháp luật bị xét xử, do đó cần được đưa ra xử lý nghiêm minh theo pháp luật hình sự, cách ly khỏi đời sống xã hội để giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù theo bản án HSPT số 97 ngày 15/5/2018 của TAND tỉnh Thanh Hóa nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Thời gian bị tạm giữ, tạm giam và thời gian đã chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được sai phạm và trách nhiệm của mình; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; vì vậy khi quyết định hình phạt HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: hành vi phạm tội của bị cáo đã làm tổn hại sức khỏe cơ thể của anh N1, anh N1 phải đến bệnh viện điều trị là thực tế, vì vậy buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh N1 các khoản chi phí điều trị và tổn thất tinh thần là phù hợp quy định pháp luật.

- Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ, thời gian điều trị gồm: Tiền viện phí, tiền thuốc, tiền sao bệnh án (có các hóa đơn hợp lệ), mức thu nhập bình quân phổ thông trên địa bàn thành phố T, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với khoản tiền ăn: chi phí ăn uống, sinh hoạt là chi phí thiết yếu trong cuộc sống, thực tế anh N1 không điều trị tại tại bệnh viện thì hàng ngày vẫn phải chi phí khoản tiền này. Mặt khác, theo quy định của pháp luật về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng không quy định người gây thiệt hại về sức khỏe phải bồi thường khoản tiền này nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền ăn của anh N1.

+ Đối với khoản tiền mất thu nhập trong thời gian anh N1 điều trị: anh N1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh với mức thu nhập 3.000.000đ/01 ngày: Xét thấy, quá trình điều tra cũng như trong thời hạn chuẩn bị xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng đã yêu cầu anh N1 cung cấp xác nhận thu nhập thực tế trong 03 tháng liên tiếp để tính mức trung bình làm căn cứ xem xét yêu cầu bị cáo bồi thường, nhưng anh N1 trình bày do anh làm lao động tự do nên không xuất trình được xác nhận. Vì vậy, căn cứ mức thu nhập bình quân của người lao động tự do tại địa phương vào thời điểm tháng 2/2018 là 200.000đ/01 ngày để buộc bị cáo phải bồi thường. Tuy nhiên, về thực tế anh N1 làm kinh doanh nên thời điểm anh N1 nằm viện vào thời gian giáp Tết nguyên đán nên mức thu nhập có thể cao hơn, vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho anh N1 tiền mất thu nhập với mức 300.000đ/01 ngày là phù hợp.

+ Do anh N1 bị tổn hại 22% sức khỏe nên sau khi điều trị cần có chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe. Vì vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh N1 một khoản tiền nhất định để bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe.

+ Anh N1 bị thương tích không chỉ gây tổn thương sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến tinh thần nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho anh N1 theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh N1 yêu cầu bị cáo bồi hường 100.000.000đ là quá cao, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh N1, căn cứ quy định của Điều 590 BLDS về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh N1 số tiền tương đương 12 tháng lương cơ sở là phù hợp.

+ Ngoài ra, anh N1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 6.000.000đ tiền trả lương lái xe thời gian anh N1 nằm viện xe không chạy được. Anh N1 trình bày anh thuê lái xe không làm hợp đồng, chỉ giao kết và thỏa thuận miệng, hiện nay công việc làm ăn không thuận lợi nên anh đã không thuê lái xe nữa nên không có căn cứ xuất trình cho Tòa án nên không có cơ sở xác định để yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

+ Đối với tiền chi phí giám định: xét thấy, việc anh N1 chi phí giám định là thực tế nhưng anh N1 hiện không giao nộp được hóa đơn chứng từ xác định số tiền cụ thể nên dành quyền dân sự cho anh N1 khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường bằng vụ kiện dân sự khác khi có đầy đủ các hóa đơn chứng hợp lệ, nếu có yêu cầu.

Từ phân tích trên, HĐXX xét thấy có căn cứ buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh N1 các khoản cụ thể sau:

- Bồi thường chi phí điều trị gồm tiền viện phí, tiền thuốc, tiền sao bệnh án (có hóa đơn hợp lệ): 13.248.904đ;

- Bồi thường công người chăm sóc (theo yêu cầu của anh N1): 900.000đ (09 ngày);

- Bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian điều trị: 12 ngày x 300.000đ/ ngày = 3.600.000đ.

- Bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị: 12.000.000đ.

- Bồi thường tổn thất tinh thần: 12 tháng x 1.390.000đ = 16.680.000đ.

Tổng cộng: 46.428.904đ (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn chín trăm linh bốn ngàn đồng).

[6] Về biện pháp tư pháp: 01 gậy gỗ dạng thang giường không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm đ khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48; Điều 56 BLHS; Điều 590 BLDS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Nguyễn Văn N 36 (ba mươi sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của bản án hình sự phúc thẩm số 97 ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 54 (năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2018, được trừ 02 tháng 28 ngày tạm giữ, tạm giam của bản án hình sự phúc thẩm số 97 ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và 03 ngày tạm giữ trong vụ án này (từ 03/02/2018 đến 06/02/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn N1 tổng số tiền 46.428.904đ (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn chín trăm linh bốn ngàn đồng).

Dành quyền dân sự cho anh Nguyễn Văn N1 khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền chi phí giám định bằng vụ kiện dân sự khác khi có đầy đủ các hóa đơn chứng hợp lệ, nếu có yêu cầu.

Về biện pháp tư pháp: tịch thu tiêu hủy 01 chiếc gậy gỗ (dạng thang giường), chiều dài 1,5m, tiết diện hình chữ nhật, kích thước 2,5 x 5cm.

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2018 giữa cơ quan Công an với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.321.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền phải thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà